

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Nước giải khát Chương Dương

Ngày	14,300 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.4%	-	1.4%

DT thuần	Q4/24
48.4	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.2 33.8%	
YoY: ▲ 9.00 22.9%	

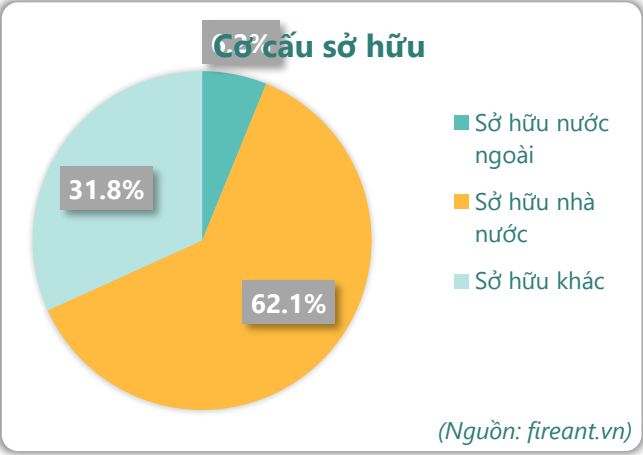
LN thuần	Q4/24
-18.7	tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.50 -41.8%	
YoY: ▲ 17.7 48.6%	

LN sau thuế	Q4/24
-20.9	tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.50 -68.9%	
YoY: ▲ 24.9 54.3%	

Tỷ suất lãi EBIT	2024
-14.3%	
YoY: +/- ▲ 58.7%	

ROE	2024
147%	
YoY: +/- ▲ 396%	

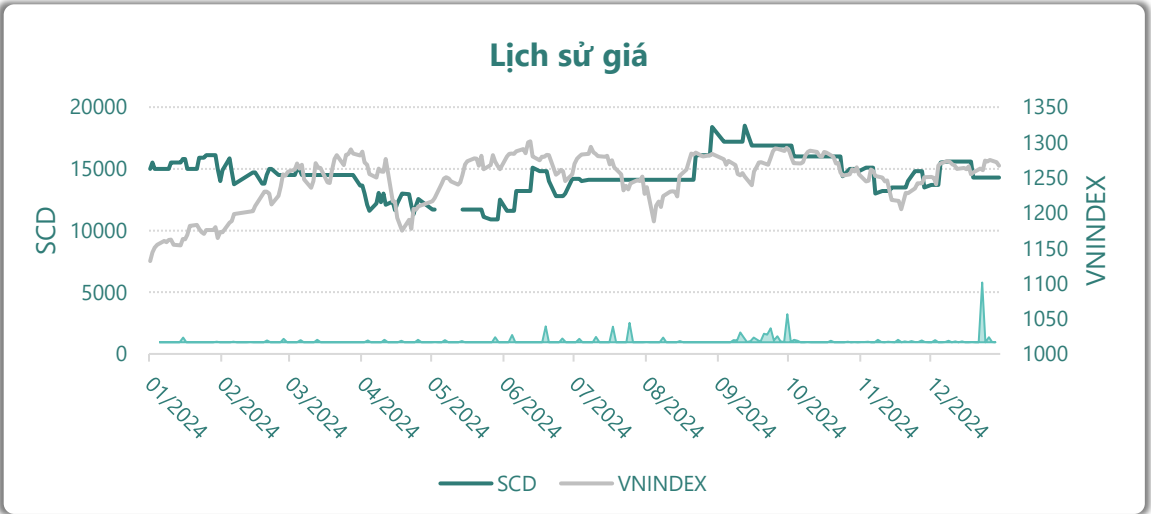
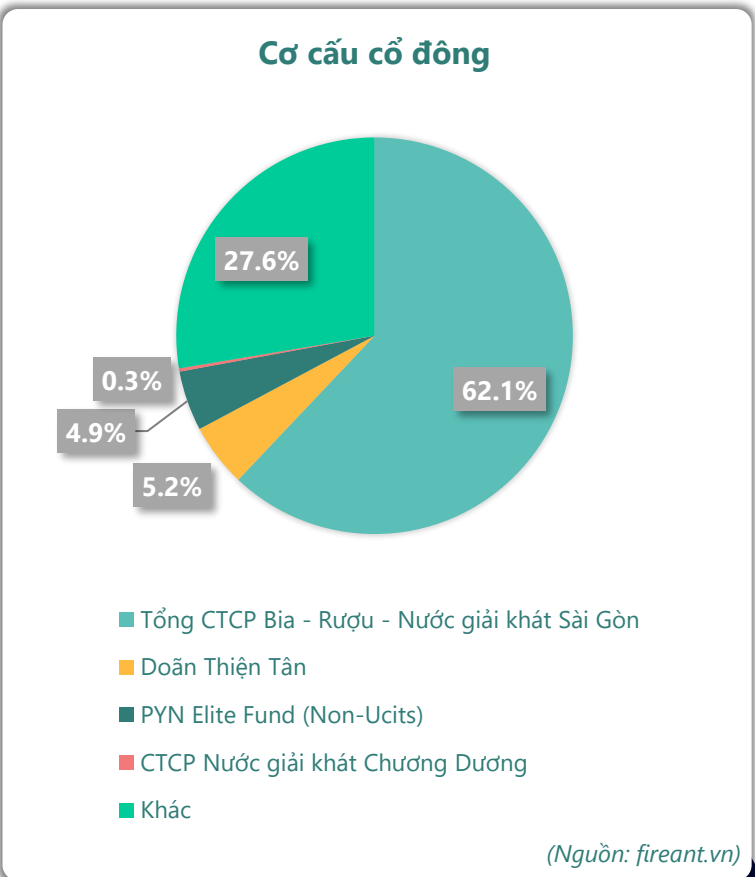
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	121
Số lượng CPLH (CP)	8,477,640
KLGD BQ 20 phiên (CP)	225
Sở hữu nước ngoài	6.2%
Beta	0.24
EPS	-7,736
P/E	-1.8



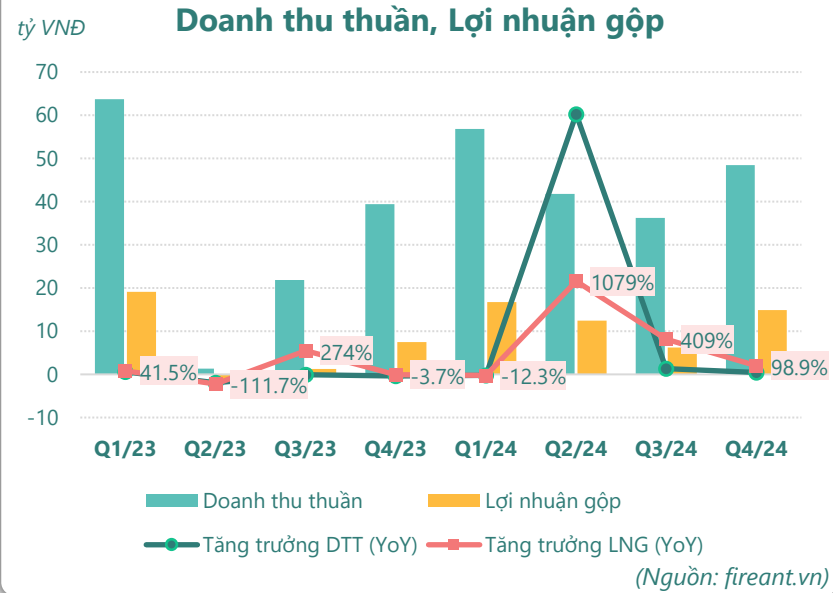
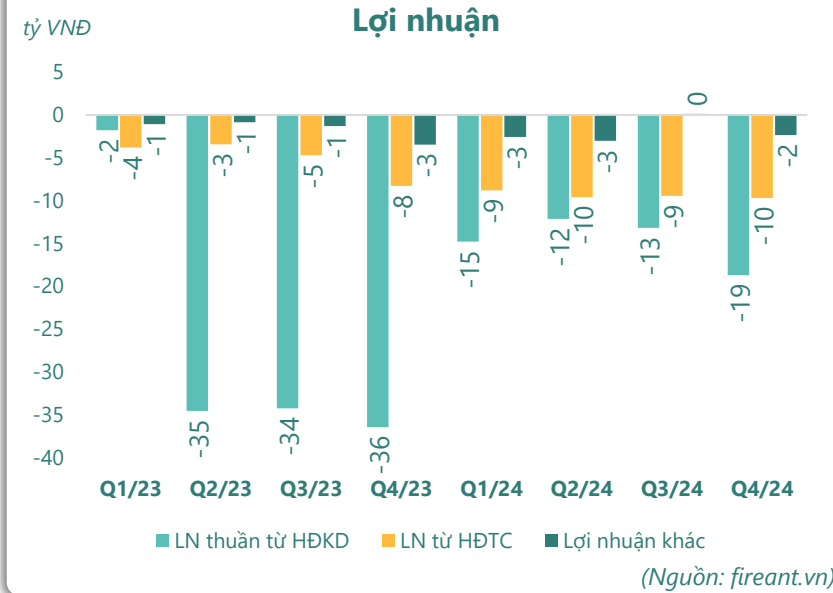
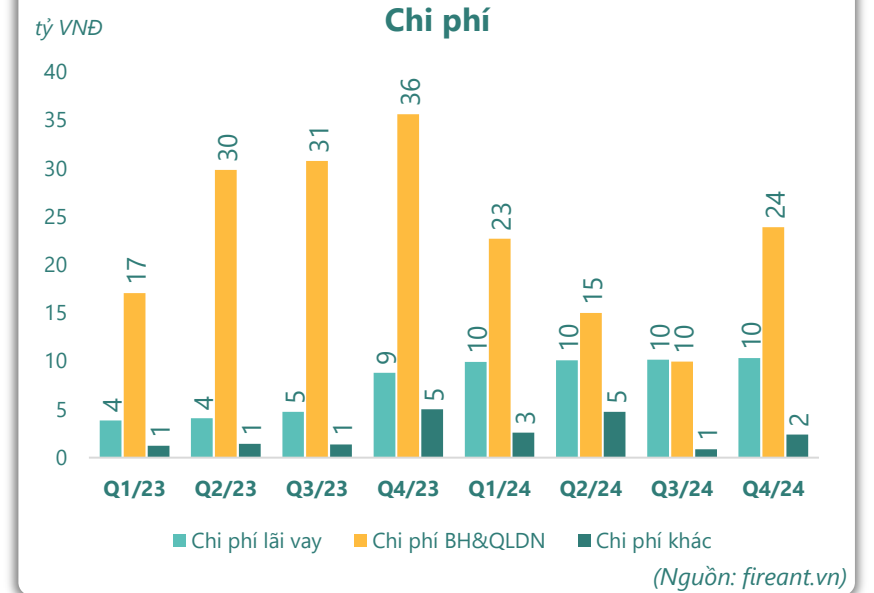
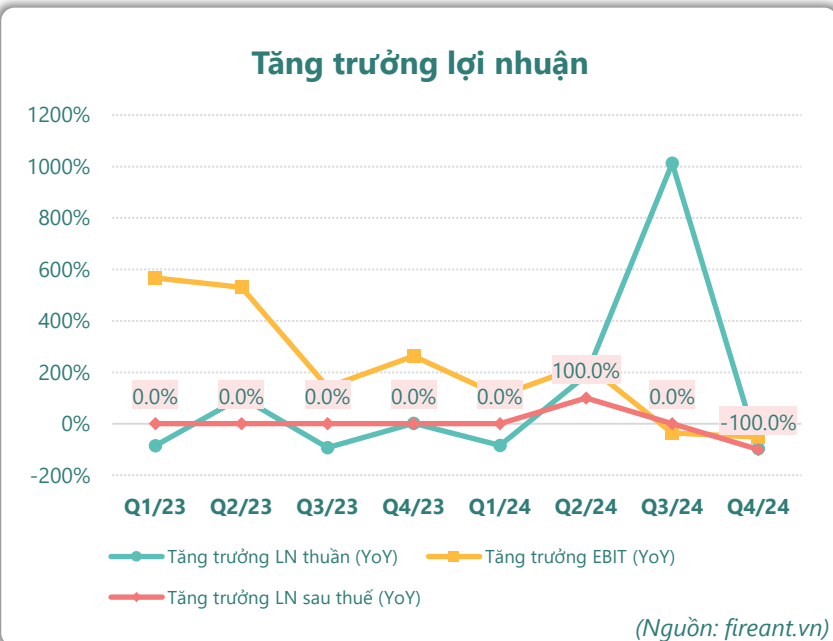
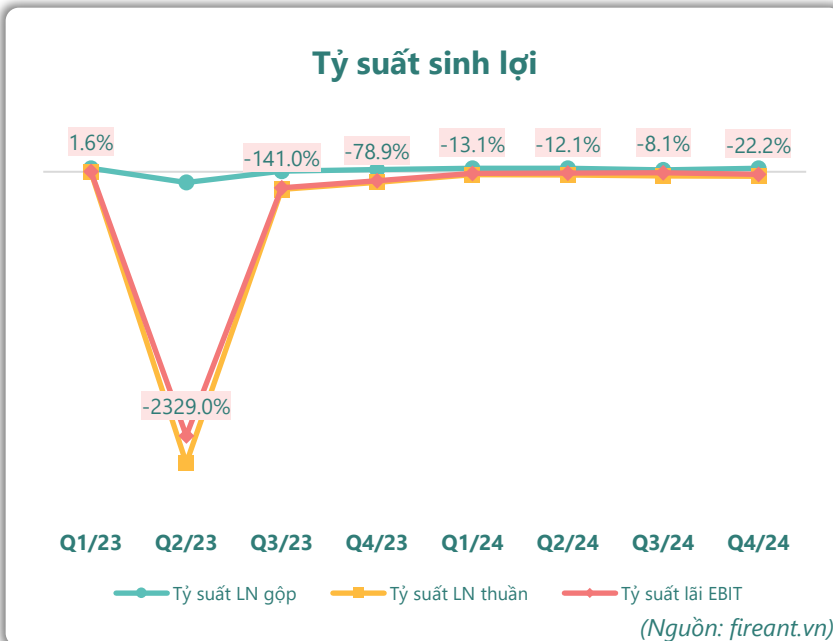
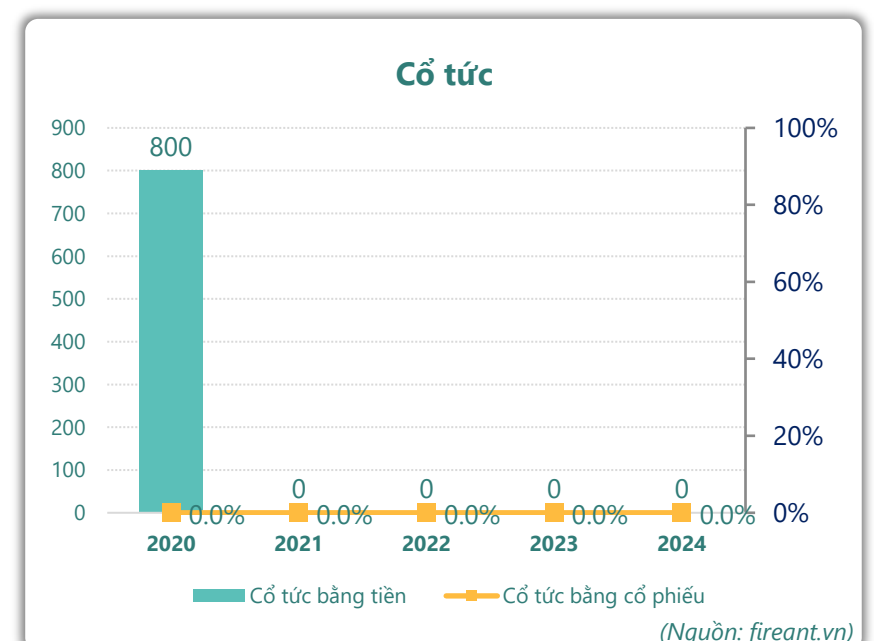
DT thuần	2024
183	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 57.0 45.1%	

LN thuần	2024
-58.8	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 48.2 45.0%	

LN sau thuế	2024
-65.6	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 53.4 45.0%	



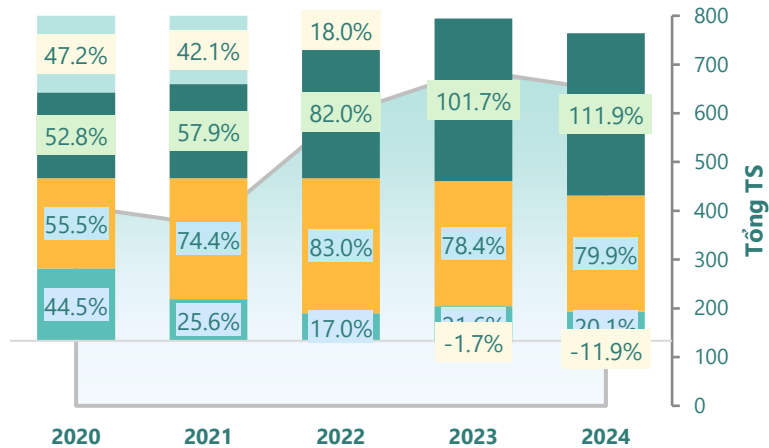
KẾT QUẢ KINH DOANH



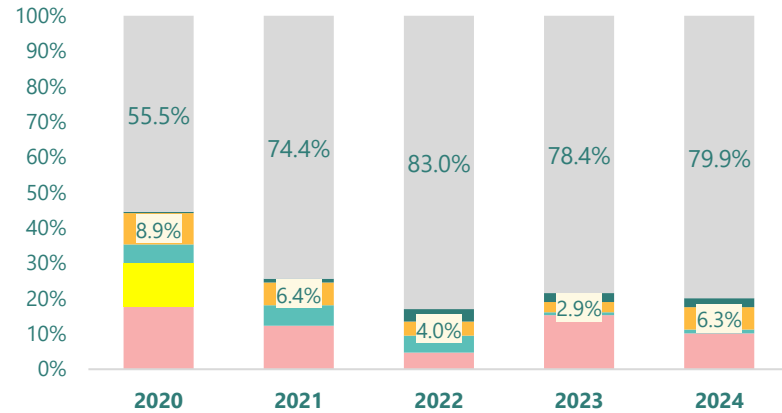
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

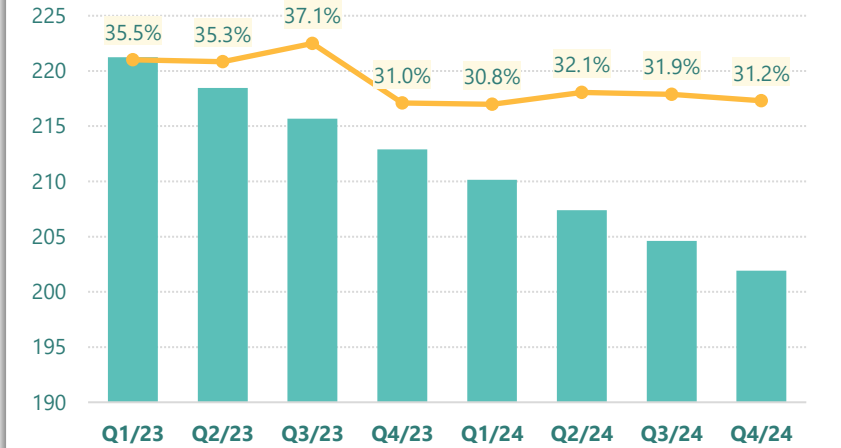


Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



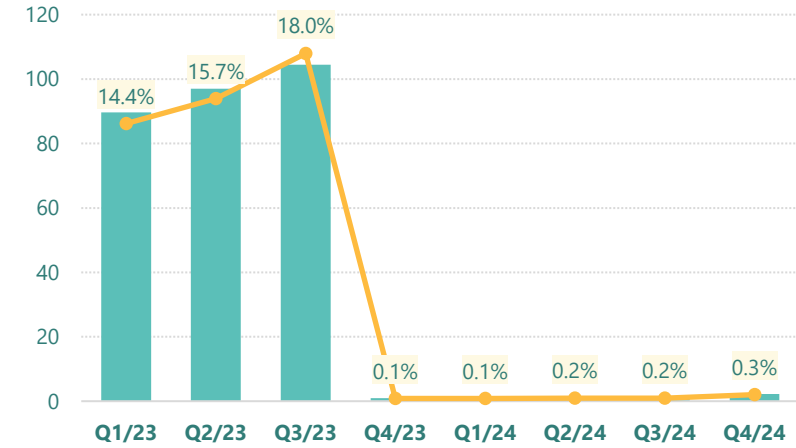
Tài sản cố định

tỷ VNĐ



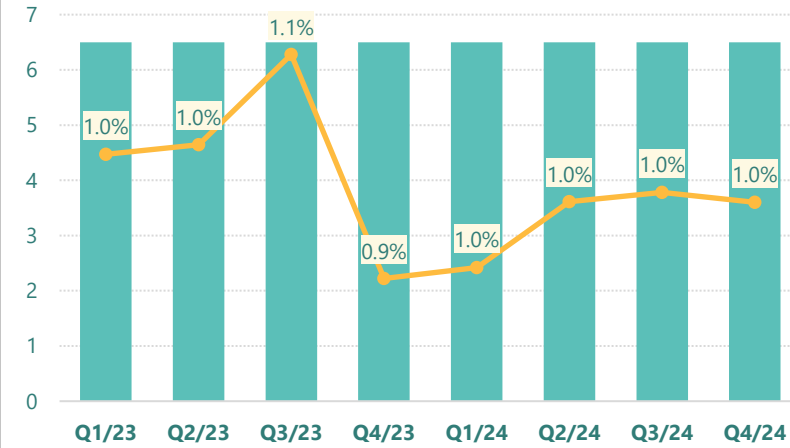
Tài sản dở dang

tỷ VNĐ



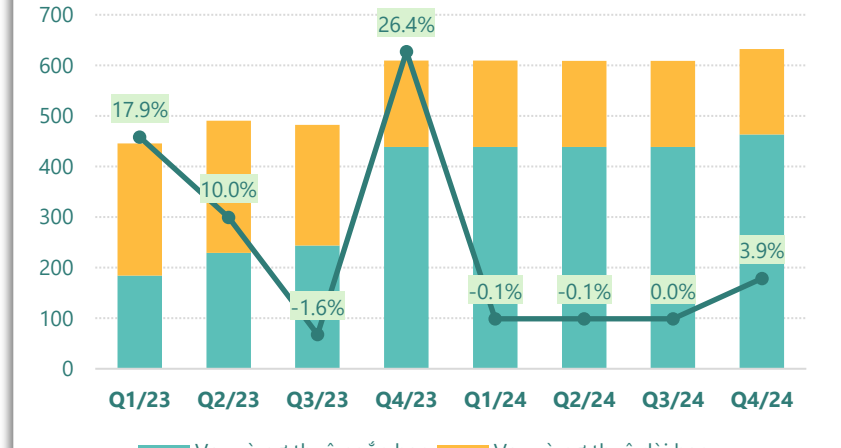
Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ



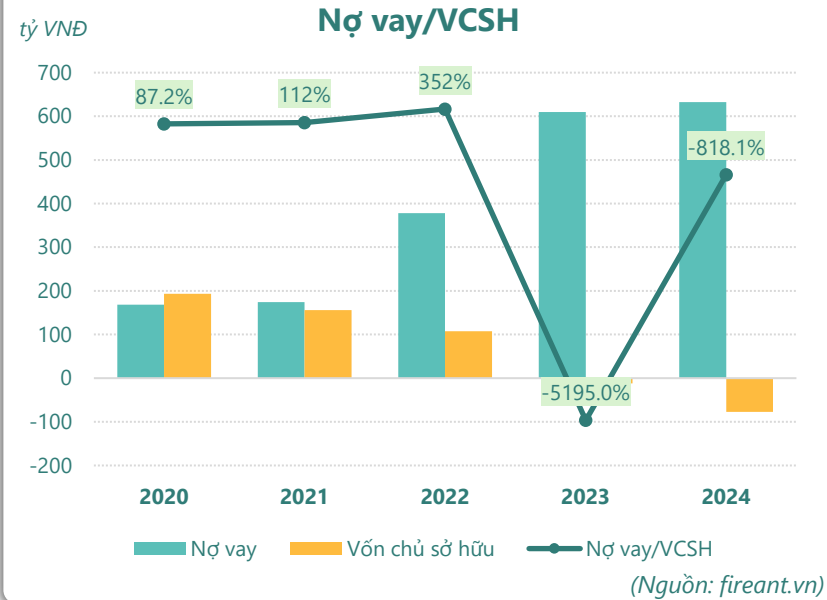
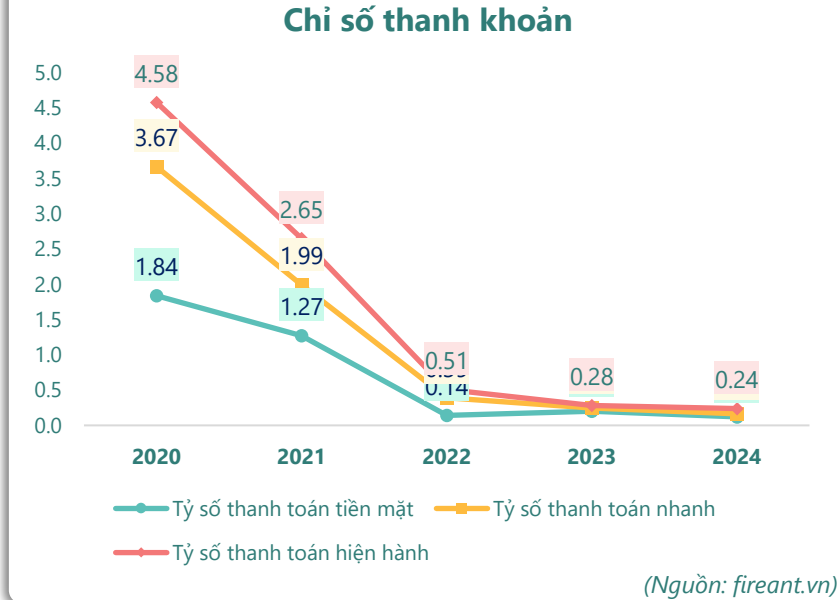
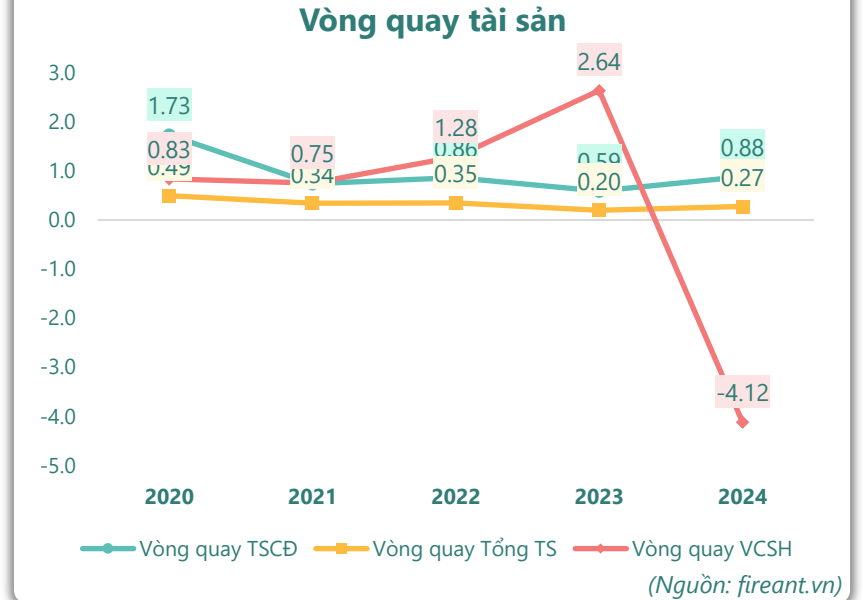
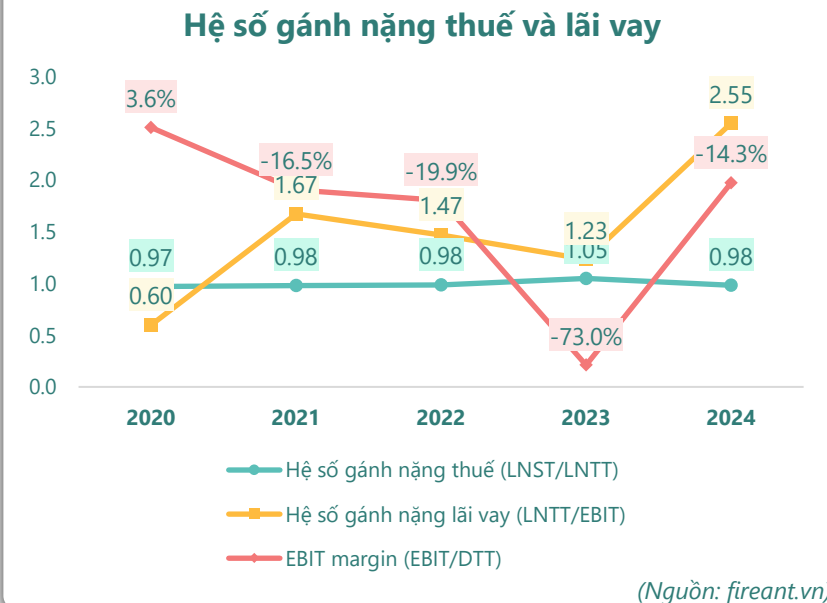
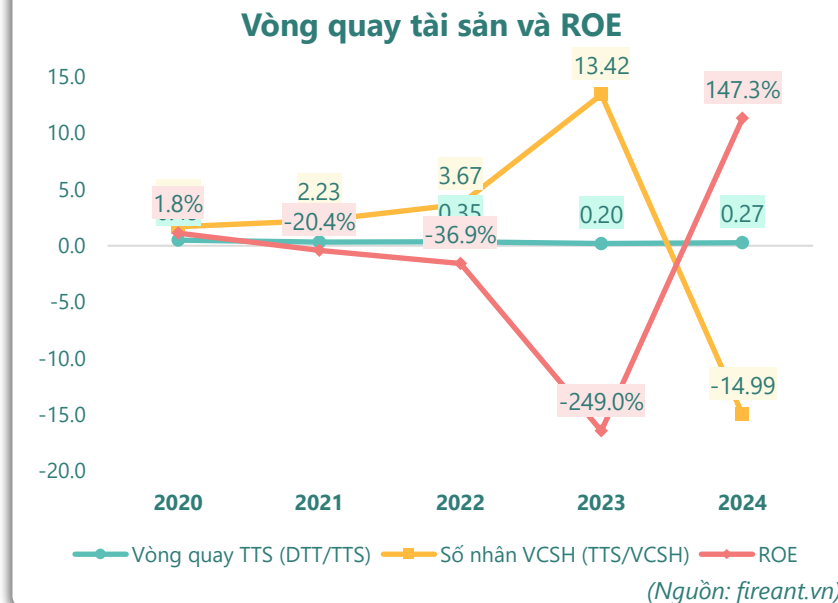
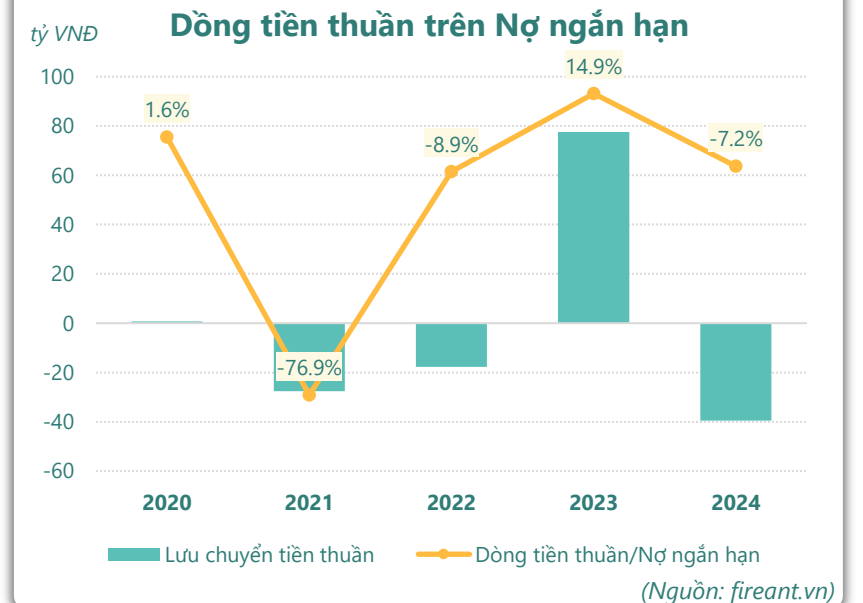
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	48.4	39.4	22.9%	183	126	45.1%
Giá vốn hàng bán	33.6	31.9	5.2%	133	99.8	33.3%
Lợi nhuận gộp	14.9	7.48	98.8%	50.3	26.5	89.7%
Doanh thu HĐTC	0.64	0.55	16.0%	2.99	1.41	113%
Chi phí TC	10.3	8.84	16.9%	40.5	21.6	87.5%
Chi phí lãi vay	10.3	8.79	17.5%	40.5	21.5	88.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	16.5	25.4	-34.9%	49.9	85.2	-41.4%
Chi phí QLDN	7.35	10.2	-27.9%	21.7	28.2	-23.1%
LN thuần từ HĐKD	-18.7	-36.4	48.6%	-58.8	-107	45.0%
Lợi nhuận khác	-2.35	-3.45	32.0%	-7.84	-6.66	-17.7%
LN trước thuế	-21.1	-39.9	47.2%	-66.7	-114	41.3%
Lợi nhuận sau thuế	-20.9	-45.8	54.3%	-65.6	-119	45.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-20.9	-45.8	54.3%	-65.6	-119	45.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.2	-17.6	0.51	-20.5	-3.31	-7.69
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.06	0.25	-38.8	-10.6	40.9	0.62
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.62	116	0	-0.64	0	0
Tiền đầu kỳ	27.5	6.72	105	67.1	35.3	72.9
Lưu chuyển tiền thuần	-20.8	98.6	-38.3	-31.7	37.6	-7.08
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.03	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	6.72	105	67.1	35.3	72.9	65.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	647	688	-5.9%
Tài sản ngắn hạn	130	148	-12.2%
Tiền và tương đương tiền	65.9	105	-37.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	7.04	5.50	27.9%
Hàng tồn kho	40.9	19.7	108%
Tài sản ngắn hạn khác	16.4	17.7	-6.9%
Tài sản dài hạn	517	539	-4.2%
Phải thu dài hạn	7.00	7.01	-0.1%
Tài sản cố định	202	213	-5.2%
Bất động sản đầu tư	241	252	-4.1%
Tài sản dở dang	2.24	0.97	130%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.50	6.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	58.0	60.5	-4.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	724	699	3.6%
Nợ ngắn hạn	547	521	4.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	463	439	5.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	41.9	21.5	95.4%
Nợ dài hạn	178	178	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	169	171	-0.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-77.3	-11.7	-559%
Vốn chủ sở hữu	-77.3	-11.7	-559%
Vốn điều lệ	85.0	85.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

